

-----\*\*\*-----  
Số: 292 /2025/BC-PTSV

-----\*\*\*-----  
Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2025

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOẢN THỰC HIỆN  
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 08/2025**

**Kính gửi:** Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 08/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | BVS                                              |                                                              |                                                               | BVS                                               |
| 2   | CAP                                              |                                                              |                                                               | CAP                                               |
| 3   | CDN                                              |                                                              |                                                               | CDN                                               |
| 4   | CEO                                              |                                                              |                                                               | CEO                                               |
| 5   | CSC                                              |                                                              |                                                               | CSC                                               |
| 6   | DHT                                              |                                                              |                                                               | DHT                                               |
| 7   | DP3                                              |                                                              |                                                               | DP3                                               |
| 8   | DTD                                              |                                                              |                                                               | DTD                                               |
| 9   | DVM                                              |                                                              |                                                               | DVM                                               |
| 10  | DXP                                              |                                                              |                                                               | DXP                                               |
| 11  | HUT                                              |                                                              |                                                               | HUT                                               |
| 12  | IDC                                              |                                                              |                                                               | IDC                                               |
| 13  | IDV                                              |                                                              |                                                               | IDV                                               |
| 14  | INN                                              |                                                              |                                                               | INN                                               |
| 15  | LAS                                              |                                                              |                                                               | LAS                                               |
| 16  | LHC                                              |                                                              |                                                               | LHC                                               |
| 17  | MBS                                              |                                                              |                                                               | MBS                                               |
| 18  | NAG                                              |                                                              |                                                               | NAG                                               |
| 19  | NET                                              |                                                              |                                                               | NET                                               |
| 20  | NTP                                              |                                                              |                                                               | NTP                                               |
| 21  | PLC                                              |                                                              |                                                               | PLC                                               |
| 22  | PSD                                              |                                                              |                                                               | PSD                                               |
| 23  | PVC                                              |                                                              |                                                               | PVC                                               |
| 24  | PVI                                              |                                                              |                                                               | PVI                                               |
| 25  | PVS                                              |                                                              |                                                               | PVS                                               |
| 26  | S99                                              |                                                              |                                                               | S99                                               |



|    |     |  |  |     |
|----|-----|--|--|-----|
| 27 | SED |  |  | SED |
| 28 | SHS |  |  | SHS |
| 29 | SLS |  |  | SLS |
| 30 | SZB |  |  | SZB |
| 31 | TMB |  |  | TMB |
| 32 | TNG |  |  | TNG |
| 33 | TVD |  |  | TVD |
| 34 | VC3 |  |  | VC3 |
| 35 | VCS |  |  | VCS |
| 36 | VFS |  |  | VFS |
| 37 | VGS |  |  | VGS |
| 38 | VNR |  |  | VNR |

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | AAA                                              |                                                              |                                                               | AAA                                               |
| 2   | ACB                                              |                                                              |                                                               | ACB                                               |
| 3   | ACG                                              |                                                              |                                                               | ACG                                               |
| 4   | AGG                                              |                                                              |                                                               | AGG                                               |
| 5   | AGR                                              |                                                              |                                                               | AGR                                               |
| 6   | ANV                                              |                                                              |                                                               | ANV                                               |
| 7   | ASM                                              |                                                              |                                                               | ASM                                               |
| 8   | AST                                              |                                                              |                                                               | AST                                               |
| 9   | BAF                                              |                                                              |                                                               | BAF                                               |
| 10  | BCM                                              |                                                              |                                                               | BCM                                               |
| 11  | BFC                                              |                                                              |                                                               | BFC                                               |
| 12  | BIC                                              |                                                              |                                                               | BIC                                               |
| 13  | BID                                              |                                                              |                                                               | BID                                               |
| 14  | BMC                                              |                                                              |                                                               | BMC                                               |
| 15  | BMI                                              |                                                              |                                                               | BMI                                               |
| 16  | BMP                                              |                                                              |                                                               | BMP                                               |
| 17  | BSI                                              |                                                              |                                                               | BSI                                               |
| 18  |                                                  |                                                              | BSR                                                           | BSR                                               |
| 19  | BTP                                              |                                                              |                                                               | BTP                                               |
| 20  | BVH                                              |                                                              |                                                               | BVH                                               |
| 21  | BWE                                              |                                                              |                                                               | BWE                                               |
| 22  | CCL                                              |                                                              |                                                               | CCL                                               |
| 23  | CDC                                              |                                                              |                                                               | CDC                                               |
| 24  | CHP                                              |                                                              |                                                               | CHP                                               |
| 25  | CII                                              |                                                              |                                                               | CII                                               |
| 26  | CLC                                              |                                                              |                                                               | CLC                                               |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 27  | CLL                                                    |                                                                       |                                                                        | CLL                                                        |
| 28  | CMG                                                    |                                                                       |                                                                        | CMG                                                        |
| 29  | CNG                                                    |                                                                       |                                                                        | CNG                                                        |
| 30  | CRC                                                    |                                                                       |                                                                        | CRC                                                        |
| 31  | CSM                                                    |                                                                       |                                                                        | CSM                                                        |
| 32  | CSV                                                    |                                                                       |                                                                        | CSV                                                        |
| 33  | CTD                                                    |                                                                       |                                                                        | CTD                                                        |
| 34  | CTG                                                    |                                                                       |                                                                        | CTG                                                        |
| 35  | CTI                                                    |                                                                       |                                                                        | CTI                                                        |
| 36  | CTR                                                    |                                                                       |                                                                        | CTR                                                        |
| 37  | CTS                                                    |                                                                       |                                                                        | CTS                                                        |
| 38  | D2D                                                    |                                                                       |                                                                        | D2D                                                        |
| 39  | DBC                                                    |                                                                       |                                                                        | DBC                                                        |
| 40  | DBD                                                    |                                                                       |                                                                        | DBD                                                        |
| 41  | DC4                                                    |                                                                       |                                                                        | DC4                                                        |
| 42  | DCL                                                    |                                                                       |                                                                        | DCL                                                        |
| 43  | DCM                                                    |                                                                       |                                                                        | DCM                                                        |
| 44  | DGC                                                    |                                                                       |                                                                        | DGC                                                        |
| 45  | DGW                                                    |                                                                       |                                                                        | DGW                                                        |
| 46  | DHA                                                    |                                                                       |                                                                        | DHA                                                        |
| 47  | DHC                                                    |                                                                       |                                                                        | DHC                                                        |
| 48  | DHG                                                    |                                                                       |                                                                        | DHG                                                        |
| 49  | DIG                                                    |                                                                       |                                                                        | DIG                                                        |
| 50  | DPG                                                    |                                                                       |                                                                        | DPG                                                        |
| 51  | DPM                                                    |                                                                       |                                                                        | DPM                                                        |
| 52  | DPR                                                    |                                                                       |                                                                        | DPR                                                        |
| 53  | DRC                                                    |                                                                       |                                                                        | DRC                                                        |
| 54  | DRL                                                    |                                                                       |                                                                        | DRL                                                        |
| 55  | DSE                                                    |                                                                       |                                                                        | DSE                                                        |
| 56  | DSN                                                    |                                                                       |                                                                        | DSN                                                        |
| 57  | DVP                                                    |                                                                       |                                                                        | DVP                                                        |
| 58  | DXG                                                    |                                                                       |                                                                        | DXG                                                        |
| 59  | E1VFN30                                                |                                                                       |                                                                        | E1VFN30                                                    |
| 60  | EIB                                                    |                                                                       |                                                                        | EIB                                                        |
| 61  | ELC                                                    |                                                                       |                                                                        | ELC                                                        |
| 62  | EVF                                                    |                                                                       |                                                                        | EVF                                                        |
| 63  | FMC                                                    |                                                                       |                                                                        | FMC                                                        |
| 64  | FPT                                                    |                                                                       |                                                                        | FPT                                                        |
| 65  | FRT                                                    |                                                                       |                                                                        | FRT                                                        |
| 66  | FTS                                                    |                                                                       |                                                                        | FTS                                                        |
| 67  | FUESSVFL                                               |                                                                       |                                                                        | FUESSVFL                                                   |



| <b>STT</b> | <b>Mã chứng khoán<br/>thực hiện giao<br/>dịch ký quỹ đầu kỳ</b> | <b>Mã chứng khoán<br/>bỏ ra khỏi danh<br/>mục giao dịch ký<br/>quỹ trong kỳ</b> | <b>Mã chứng khoán<br/>bổ sung vào danh<br/>mục giao dịch ký<br/>quỹ trong kỳ</b> | <b>Mã chứng khoán<br/>thực hiện giao<br/>dịch ký quỹ cuối<br/>kỳ</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 68         | FUEVFNVD                                                        |                                                                                 |                                                                                  | FUEVFNVD                                                             |
| 69         | GAS                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GAS                                                                  |
| 70         | GDT                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GDT                                                                  |
| 71         | GEE                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GEE                                                                  |
| 72         | GEG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GEG                                                                  |
| 73         | GEX                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GEX                                                                  |
| 74         | GMD                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GMD                                                                  |
| 75         | GSP                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GSP                                                                  |
| 76         | GVR                                                             |                                                                                 |                                                                                  | GVR                                                                  |
| 77         | HAH                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HAH                                                                  |
| 78         | HAX                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HAX                                                                  |
| 79         | HCD                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HCD                                                                  |
| 80         | HCM                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HCM                                                                  |
| 81         | HDB                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HDB                                                                  |
| 82         | HDC                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HDC                                                                  |
| 83         | HDG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HDG                                                                  |
| 84         | HHP                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HHP                                                                  |
| 85         | HHS                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HHS                                                                  |
| 86         | HHV                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HHV                                                                  |
| 87         | HPG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HPG                                                                  |
| 88         | HSG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HSG                                                                  |
| 89         | HT1                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HT1                                                                  |
| 90         | HTG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HTG                                                                  |
| 91         | HTI                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HTI                                                                  |
| 92         | HTN                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HTN                                                                  |
| 93         | HUB                                                             |                                                                                 |                                                                                  | HUB                                                                  |
| 94         | IJC                                                             |                                                                                 |                                                                                  | IJC                                                                  |
| 95         | ILB                                                             |                                                                                 |                                                                                  | ILB                                                                  |
| 96         | IMP                                                             |                                                                                 |                                                                                  | IMP                                                                  |
| 97         | ITC                                                             |                                                                                 |                                                                                  | ITC                                                                  |
| 98         | KBC                                                             |                                                                                 |                                                                                  | KBC                                                                  |
| 99         | KDH                                                             |                                                                                 |                                                                                  | KDH                                                                  |
| 100        | KHG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | KHG                                                                  |
| 101        | KHP                                                             |                                                                                 |                                                                                  | KHP                                                                  |
| 102        | KSB                                                             |                                                                                 |                                                                                  | KSB                                                                  |
| 103        | LBM                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LBM                                                                  |
| 104        | LCG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LCG                                                                  |
| 105        | LHG                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LHG                                                                  |
| 106        | LIX                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LIX                                                                  |
| 107        | LPB                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LPB                                                                  |
| 108        | LSS                                                             |                                                                                 |                                                                                  | LSS                                                                  |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 109 | MBB                                                    |                                                                       |                                                                        | MBB                                                        |
| 110 | MCM                                                    |                                                                       |                                                                        | MCM                                                        |
| 111 | MIG                                                    |                                                                       |                                                                        | MIG                                                        |
| 112 | MSB                                                    |                                                                       |                                                                        | MSB                                                        |
| 113 | MSH                                                    |                                                                       |                                                                        | MSH                                                        |
| 114 | MSN                                                    |                                                                       |                                                                        | MSN                                                        |
| 115 | MWG                                                    |                                                                       |                                                                        | MWG                                                        |
| 116 | NAB                                                    |                                                                       |                                                                        | NAB                                                        |
| 117 | NAF                                                    |                                                                       |                                                                        | NAF                                                        |
| 118 | NCT                                                    |                                                                       |                                                                        | NCT                                                        |
| 119 | NHA                                                    |                                                                       |                                                                        | NHA                                                        |
| 120 | NHH                                                    |                                                                       |                                                                        | NHH                                                        |
| 121 | NKG                                                    |                                                                       |                                                                        | NKG                                                        |
| 122 | NLG                                                    |                                                                       |                                                                        | NLG                                                        |
| 123 | NNC                                                    |                                                                       |                                                                        | NNC                                                        |
| 124 | NSC                                                    |                                                                       |                                                                        | NSC                                                        |
| 125 | NT2                                                    |                                                                       |                                                                        | NT2                                                        |
| 126 | NTL                                                    |                                                                       |                                                                        | NTL                                                        |
| 127 | OCB                                                    |                                                                       |                                                                        | OCB                                                        |
| 128 | PAC                                                    |                                                                       |                                                                        | PAC                                                        |
| 129 | PAN                                                    |                                                                       |                                                                        | PAN                                                        |
| 130 | PC1                                                    |                                                                       |                                                                        | PC1                                                        |
| 131 | PDR                                                    |                                                                       |                                                                        | PDR                                                        |
| 132 | PET                                                    |                                                                       |                                                                        | PET                                                        |
| 133 | PGC                                                    |                                                                       |                                                                        | PGC                                                        |
| 134 | PGD                                                    |                                                                       |                                                                        | PGD                                                        |
| 135 | PHR                                                    |                                                                       |                                                                        | PHR                                                        |
| 136 | PLX                                                    |                                                                       |                                                                        | PLX                                                        |
| 137 | PNJ                                                    |                                                                       |                                                                        | PNJ                                                        |
| 138 | POW                                                    |                                                                       |                                                                        | POW                                                        |
| 139 | PPC                                                    |                                                                       |                                                                        | PPC                                                        |
| 140 | PTB                                                    |                                                                       |                                                                        | PTB                                                        |
| 141 | PVD                                                    |                                                                       |                                                                        | PVD                                                        |
| 142 | PVP                                                    |                                                                       |                                                                        | PVP                                                        |
| 143 | PVT                                                    |                                                                       |                                                                        | PVT                                                        |
| 144 | RAL                                                    |                                                                       |                                                                        | RAL                                                        |
| 145 | REE                                                    |                                                                       |                                                                        | REE                                                        |
| 146 | SAB                                                    |                                                                       |                                                                        | SAB                                                        |
| 147 | SAM                                                    |                                                                       |                                                                        | SAM                                                        |
| 148 | SBA                                                    |                                                                       |                                                                        | SBA                                                        |
| 149 | SBT                                                    |                                                                       |                                                                        | SBT                                                        |

| STT | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán<br>bỏ ra khỏi danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>bổ sung vào danh<br>mục giao dịch ký<br>quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán<br>thực hiện giao<br>dịch ký quỹ cuối<br>kỳ |
|-----|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 150 | SCS                                                    |                                                                       |                                                                        | SCS                                                        |
| 151 | SGN                                                    |                                                                       |                                                                        | SGN                                                        |
| 152 | SHB                                                    |                                                                       |                                                                        | SHB                                                        |
| 153 | SHI                                                    |                                                                       |                                                                        | SHI                                                        |
| 154 | SHP                                                    |                                                                       |                                                                        | SHP                                                        |
| 155 | SIP                                                    |                                                                       |                                                                        | SIP                                                        |
| 156 | SJD                                                    |                                                                       |                                                                        | SJD                                                        |
| 157 | SJS                                                    |                                                                       |                                                                        | SJS                                                        |
| 158 | SKG                                                    |                                                                       |                                                                        | SKG                                                        |
| 159 | SMB                                                    |                                                                       |                                                                        | SMB                                                        |
| 160 | SSB                                                    |                                                                       |                                                                        | SSB                                                        |
| 161 | SSI                                                    |                                                                       |                                                                        | SSI                                                        |
| 162 | STB                                                    |                                                                       |                                                                        | STB                                                        |
| 163 | STK                                                    |                                                                       |                                                                        | STK                                                        |
| 164 | SZC                                                    |                                                                       |                                                                        | SZC                                                        |
| 165 | SZL                                                    |                                                                       |                                                                        | SZL                                                        |
| 166 | TCB                                                    |                                                                       |                                                                        | TCB                                                        |
| 167 | TCH                                                    |                                                                       |                                                                        | TCH                                                        |
| 168 | TCL                                                    |                                                                       |                                                                        | TCL                                                        |
| 169 | TCM                                                    |                                                                       |                                                                        | TCM                                                        |
| 170 | TDM                                                    |                                                                       |                                                                        | TDM                                                        |
| 171 | TDP                                                    |                                                                       |                                                                        | TDP                                                        |
| 172 | THG                                                    |                                                                       |                                                                        | THG                                                        |
| 173 | TIP                                                    |                                                                       |                                                                        | TIP                                                        |
| 174 | TLG                                                    |                                                                       |                                                                        | TLG                                                        |
| 175 | TPB                                                    |                                                                       |                                                                        | TPB                                                        |
| 176 | TRA                                                    |                                                                       |                                                                        | TRA                                                        |
| 177 | TRC                                                    |                                                                       |                                                                        | TRC                                                        |
| 178 | TTA                                                    |                                                                       |                                                                        | TTA                                                        |
| 179 | TV2                                                    |                                                                       |                                                                        | TV2                                                        |
| 180 | VCB                                                    |                                                                       |                                                                        | VCB                                                        |
| 181 | VCG                                                    |                                                                       |                                                                        | VCG                                                        |
| 182 | VCI                                                    |                                                                       |                                                                        | VCI                                                        |
| 183 | VDS                                                    |                                                                       |                                                                        | VDS                                                        |
| 184 | VFG                                                    |                                                                       |                                                                        | VFG                                                        |
| 185 | VGC                                                    |                                                                       |                                                                        | VGC                                                        |
| 186 | VHC                                                    |                                                                       |                                                                        | VHC                                                        |
| 187 | VHM                                                    |                                                                       |                                                                        | VHM                                                        |
| 188 | VIB                                                    |                                                                       |                                                                        | VIB                                                        |
| 189 | VIC                                                    |                                                                       |                                                                        | VIC                                                        |
| 190 | VIP                                                    |                                                                       |                                                                        | VIP                                                        |

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ |
|-----|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 191 | VIX                                              |                                                              |                                                               | VIX                                               |
| 192 | VJC                                              |                                                              |                                                               | VJC                                               |
| 193 | VND                                              |                                                              |                                                               | VND                                               |
| 194 | VNM                                              |                                                              |                                                               | VNM                                               |
| 195 | VOS                                              | VOS                                                          |                                                               |                                                   |
| 196 | VPB                                              |                                                              |                                                               | VPB                                               |
| 197 | VPD                                              |                                                              |                                                               | VPD                                               |
| 198 | VRE                                              |                                                              |                                                               | VRE                                               |
| 199 | VSC                                              |                                                              |                                                               | VSC                                               |
| 200 | VTO                                              |                                                              |                                                               | VTO                                               |
| 201 | VTP                                              |                                                              |                                                               | VTP                                               |
| 202 | YEG                                              |                                                              |                                                               | YEG                                               |

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty: <https://pinetree.vn/>

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

**Người lập**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Lê Thị Hoa**

**Kiểm soát**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Khánh Nam**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Lee Jun Hyuck**